**ÔN TẬP BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

Câu 1: Bệnh truyền nhiễm có những đặc tính chung là

1. Do vi khuẩn gây nên
2. Do virus gây nên
3. Có thể điều trị khỏi bằng kháng sinh
4. Có tính chất lây lan
5. **Tất cả điều đúng**

Câu 2: những bệnh truyền nhiễm do….. thường có hướng về 1 tổ chức nhất định, do đó nó biểu hiện giống nhau ở gia súc khác loài

1. **Virus**
2. Vi khuẩn
3. Mycoplasma (PPLO)
4. Rickettsia
5. Nấm

Câu 3: những bệnh truyền nhiễm do…. thường là những bệnh mạn tính và cho miễn dịch không bền

1. Virus
2. Vi khuẩn
3. Mycoplasma (PPLO)
4. Rickettsia
5. **Nấm**

Câu 4: các bệnh truyền nhiễm do…. thường chỉ có miễn dịch khi trong cơ thể động vật còn chứa mầm bệnh

1. Rickettsia
2. Mycoplasma
3. Nấm
4. Virus
5. **Protozoa (nguyên trùng)**

Câu 5 : muốn gây nên hiện tượng nhiễm trùng, mầm bệnh phải có

1. Tính gây bệnh
2. Độc lực
3. Đủ số lượng
4. Có đường xâm nhập thích hợp
5. **Cả 4 điều kiện trên**

Câu 6: nội độc tố là

1. Độc tố thường gặp ở vi khuẩn gram âm
2. Độc tố thường gặp ở vi khuẩn gram dương
3. Độc tố của vi khuẩn, chỉ được giải phóng khi vi khuẩn bị phá hủy
4. **Cả a và c đúng**
5. Cả b và c đúng

Câu 7: nếu so sánh với nội độc tố, ngoại độc tố

1. Độc hơn và bên hơn
2. Ít độc nhưng bềnh
3. **Độc hơn nhưng kém bền**
4. Ít độc nhưng kém bền
5. Tất cả đều sai

Câu 8: nhiễm trùng do hai hay nhiều loại mầm bệnh cùng một lúc được gọi tắt là

1. Bội nhiễm
2. Nhiễm trùng kế phát
3. **Nhiễm trùng ghép** (nhiễm trùng kết hợp)
4. Tái nhiễm
5. Tất cả điều sai

Câu 9 nhiễm trùng kết hợp được gọi là

1. Nhiễm trùng kế phát
2. Nhiễm trùng ghép
3. Bội nhiễm
4. Tái nhiễm
5. Tất cả điều sai

Câu 10 nhiễm trùng kế phát là trường hợp

1. Một loại mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể đang bị nhiễm chính mầm bệnh đó (Bội nhiễm)
2. Khi cơ thể đã bị khỏi bệnh sau đó lại mắc chính bệnh đó (tái nhiễm)
3. **Khi 1 cơ thể đã bị nhiễm trùng và mầm bệnh này tạo điều kiện cho mầm bệnh khác xâm nhập**
4. Nhiễm trùng hai hay nhiều loại mầm bệnh cùng một lúc (nhiễm trùng kết hợp hay nhiễm trùng ghép)
5. Bệnh xuất hiện lần thứ 2 nhưng không có sự nhiễm trùng lần thứ 2 (tái phát)

Câu 11: bội nhiễm là hiện tượng

1. **Một loại mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể đang bị nhiễm chính mầm bệnh đó**
2. Khi cơ thể đã khỏi bệnh sau đó lại mắc chính bệnh đó
3. Khi một cơ thể đang bị nhiễm trùng và mầm bệnh này tạo điều kiện cho mầm bệnh khác xâm nhập
4. Nhiễm trùng hai hay nhiều loại mầm bệnh cùng một lúc
5. Bệnh xuất hiện lần thứ hai nhưng không có sự nhiễm trùng lần thứ 2

Câu 12: con vật mắc bệnh lần thứ nhất đã khỏi bệnh, sau đó nhiễm mầm bệnh đó lần thứ hai, trường hợp này gọi là

1. Tái phát
2. **Tái nhiễm**
3. Nhiễm trùng kế phát
4. Bội nhiễm
5. Tất cả điều sai

Câu 13: tái phát là hiện tượng

1. Bệnh xuất hiện lần thứ 2 do sự nhiễm trùng lại mầm bệnh lần thứ 2
2. **Bệnh xuất hiện lần thứ 2 nhưng không có sự nhiễm trùng lần thứ 2**
3. Nhiều loại mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể đang nhiễm chính bệnh đó
4. Nhiều loại mầm bệnh cùng 1 lúc xâm nhập vào cơ thể
5. Tất cả điều sai

Câu 14: một gia súc mắc bệnh ở thời kỳ nung bệnh

1. Có khả năng lây bệnh cho những gia súc khác trong đàn
2. Có mầm bênh sinh sản và phát triển trong cơ thể gia súc
3. Có một số triệu chứng đầu tiên của bệnh truyền nhiễm
4. Cả a và b đúng
5. **Tất cả điều đúng**

Câu 15: ở thời kỳ khởi phát, gia súc mắc bệnh có biểu hiện

1. Sốt
2. Ủ rũ, ăn ít hoặc bỏ ăn
3. Triệu chứng đặc trưng của bệnh
4. **Cả a và b đúng**
5. Cả b và c đúng

Câu 16: triệu chứng và bệnh tích đặc trưng của một con vật mắc bệnh truyền nhiễm được thể hiện rõ ở thời kỳ

1. Nung bệnh
2. Khởi phát
3. **Toàn thân**
4. Cuối bệnh
5. Cả a và b đúng

Câu 17: ở thể bệnh ác tính

1. Con vật có triệu chứng bệnh rất nặng, chết nhanh
2. Con vật chết không kịp xuất hiện triệu chứng
3. Con vật chết ngay sau khi xuất hiện triệu chứng
4. **Cả b và c đúng**
5. Tất cả điều đúng

Câu 18: gia súc mắc bệnh ở thể quá cấp tính

1. Thường gặp ở đầu ổ dịch
2. Có triệu chứng và bệnh tích nặng đặc trưng
3. Có triệu chứng và bệnh tích không đặc trưng
4. Cả a và b đúng
5. **Cả a và c đúng**

Câu 19: trong các bệnh truyền nhiễm động vật mắc bệnh ở thể…… có triệu chứng và bệnh tích rõ ràng nhất

1. Thể quá cấp tính
2. **Thể cấp tính**
3. Thể thứ cấp tính
4. Thể mạn tính
5. Tất cả điều sai

Câu 20: gia súc mắc bệnh ở thể mạn tính thường

1. Có triệu chứng đặc trưng
2. Có bệnh tích đăc trưng
3. Có tỉ lệ chết cao
4. **Gặp ở cuối ổ dịch**
5. Tất cả điều sai

Câu 21: con vật mắc bệnh thể ẩn

1. Có triệu chứng là sốt nhẹ
2. **Có bệnh tích ở bện trong nội tang**
3. Có triệu chứng và bệnh tích khác với với triệu chứng và bệnh tích điển hình của bệnh
4. Cả a và b đúng
5. Cả a và c đúng

Câu 22: bổ thể được tổng hợp chủ yếu từ

1. **Gan**
2. Lách
3. Thận
4. Tuyến ức
5. Tất cả điều sai

Câu 23: bệnh truyền nhiễm có biểu hiện không điển hình và trầm trọng thường gặp

1. Gia súc non
2. Gia súc trưởng thành
3. **Gia súc già**
4. Gia súc đực
5. Gia súc cái

Câu 24: theo định nghĩa nguồn bệnh của Gramasepki thì những động vật nào sau đây không phải là nguồn bệnh

1. Gia súc khỏi bệnh có miễn dịch nhưng vẫn còn mang mầm bệnh
2. Côn trùng có mang mầm bệnh trong cơ thể và có khả năng truyền các mầ bệnh cho các thế hệ sau
3. **Côn trùng có mầm bệnh dính vào chân, thân,…**
4. Cả a và b đúng
5. Tất cả điều đúng

Câu 25: nhân tố thứ ba của quá trình sinh dịch là súc vật cảm thụ đó là

1. Những gia súc mắc bệnh đó rồi khỏi bệnh
2. Những gia súc được tiêm phòng chính bệnh đó
3. **Những gia súc mẫn cảm đối với bệnh đó nhưng chưa có miễn dịch đối với bệnh đó**
4. Cả a và b đúng
5. Cả a và c đúng

Câu 26: để tạo miễn dịch chủ động ta có thể

1. Cho gia súc tiếp xúc với gia súc bệnh
2. Tiêm kháng huyết thanh cho gia súc
3. Tiêm vaccine cho gia súc
4. Có thể áp dụng a và b
5. **Có thể áp dụng a và c**

Câu 27: thông thường động vật được tiêm vaccine sẽ có khả năng miễm dịch

1. Ngay tức thì
2. Sau 2 - 3 ngày
3. **Sau 2- 3 tuần**
4. Sau 2 -3 tháng
5. Tất cả điều sai

Câu 28: bệnh truyền nhiễm xảy ra có tính chất mùa là do

1. Ảnh hưởng đến sức đề kháng của cơ thể gia súc
2. Ảnh hưởng đến sự tồn tại của mầm bệnh ngoài thiên nhiên
3. Ảnh hưởng đến sự sinh sản và phát triển của các loại côn trùng là nhân truyền bệnh
4. **Tất cả điều đúng**
5. Cả a và b đúng

Câu 29: khi mua 1 gia súc từ bên ngoài, ta phải cách ly gia súc đó 1 thời gian để tránh trường hợp

1. Gia súc này thường là những gia súc mang trùng
2. Gia súc này đang ở thời kỳ nung bệnh
3. Gia súc chỉ mới khỏi bệnh
4. Cả a và b đúng
5. **Tất cả điều đúng**

Câu 30: để chống dịch tại 1 ổ dịch ta phải

1. Cấm bán chạy gia súc
2. Tiêm phòng vaccine cho tất cả gia súc khác loài
3. Tiêm kháng huyết thanh cho các gia súc nghi lây
4. **Tất cả điều đúng**
5. Cả a và c đúng

Câu 31: nếu 1 bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phát ra tại 1 quốc gia mà trước đây bệnh này không có hiện diện đã được thanh toán, ta phải

1. Tiêm kháng huyết thanh cho tất cả các gia súc mẫn cảm nguy cơ bị lây bệnh
2. Tiêm vaccine cho tất cả các gia súc mẫn cảm có nguy cơ bị lây bệnh
3. Giết và xử lý tất cả các gia súc bệnh và các gia súc mẫn cảm có nguy cơ bị lây bệnh
4. Có thể áp dụng a và b
5. **Có thể áp dụng a và c**

Câu 32 để đề phòng tai biến khi sử dụng kháng huyết thanh ta cần

1. Sử dụng kháng huyết thanh chế từ gia súc cùng loại với gia súc cần tiêm
2. Sử dụng kháng huyết thanh chế từ gia súc khác loại với gia súc cần tiêm
3. Thử phản ứng dị ứng trước khi tiêm
4. Cả a và b đúng
5. **Cả a và c đúng**

Câu 33 interferon là kháng thể không đặc hiệu chống lại sự xâm nhiễm của

1. **Virus**
2. Vi khuẩn
3. Mycoplasma (PPLO)
4. Rickettsia
5. Nấm

Câu 34: rabies là tên bệnh

1. Lao
2. Ung khí thán
3. Nhiệt thán
4. **Dại**
5. Tất cả điều sai

Câu 35: virus dại có tính hướng

1. Thần kinh trung ương
2. Nhân lên trong não và tuyến nước bọt
3. Phế nang
4. **Cả a và b đúng**
5. Tất cả điều sai

Câu 36: chó mèo mắc bệnh dại có triệu chứng đặc trưng

1. Ngứa dữ dội
2. Quay cuồng, nghiến răng, run cơ
3. **Chảy nước dãi**
4. Cả a và b đúng
5. Cả b và c đúng

Câu 37: chó mắc bệnh dại thể điên cuồng có triệu chứng

1. Hung dữ, hoảng loạn
2. Vồ bóng tối
3. Trễ hàm, thè lưỡi
4. Sợ nước, sợ gió
5. **Tất cả điều đúng**

Câu 38: trong bệnh dại ở thể bại liệt chó có triệu chứng đặc trưng là

1. Chạy lung tung hoảng loạn
2. **Trễ hàm, thè lưỡi, không sủa**
3. Sủa, rống lên như hú
4. Tất cả điều đúng
5. Cả a và c đúng

Câu 39: mèo bị dại biểu hiện các triệu chứng

1. Chạy lung tung, thè lưỡi, chảy nước dãi
2. **Nằm yên, kêu luôn mồm, chảy nước dãi**
3. Tiếng kêu la khan đặc do liệt thanh quản
4. Tất cả điều đúng
5. Tất cả điều sai

Câu 40: đối với gia súc khi có triệu chứng của bệnh dại ta có thể dùng

1. Kháng sinh để điều trị
2. Kháng huyết thanh để điều trị
3. Dùng vaccine để điều trị
4. Kết hợp cả a và b
5. Tất cả điều sai (giết chết gia súc khi phát hiện bệnh dại)

Câu 41:anthrax, Woolsorter disease, Charbon, Splenic fever, Fbris carbuculosa là tên bệnh

1. Lao
2. Ung khí thán
3. **Nhiệt thán**
4. Uốn ván
5. Tất cả điều sai

Câu 42: sốt cao, lách sưng to, đen và mềm nhũng, phủ tạng và xuất tổ chức liên kết, máu đỏ sẫm, đặc, chảy máu ở các lổ tự nhiên, máu không đông là bệnh

1. **Nhiệt thán**
2. Ung khí thán
3. Tụ huyết trùng
4. Lao
5. Tất cả điều sai

Câu 43: thứ tự mức độ mẫn cảm của động vật đối với bệnh lao từ cao đến thấp

1. Bò, heo, gà, ngươi
2. Người, heo, gà, bò
3. **Người, bò, gà, heo**
4. Bò, gà, người, heo
5. Heo, gà, bò, người

Câu 44: bò bị bệnh lao thường gặp ở lao

1. **Phổi**
2. Gan
3. Hạch
4. Lách
5. Vú

Câu 45: trong bệnh lao hạch ở bò

1. Các hạch lâm ba sưng, nóng nhưng không đau
2. Các hạch lâm ba sưng, nóng và đau
3. Các hạch lâm ba sưng, nóng, cứng và dính vào da
4. Các hạch lâm ba sưng, không đau, cúng và dính vào da
5. **Các hạch lâm ba sưng, không nóng, không đau, không dính vào da**

Câu 46: hạt lao ở trâu bò có màu

1. **Vàng**

Câu 52: hiện tượng sát nhau, nhau khó bóc, âm đạo thường chảy ra nước nhớt đục, nhau thai sẩy có đóm hoại tử là bệnh

1. Tụ huyết trùng trâu bò (Pasteurella)
2. Xoắn khuẩn leptospira
3. **Sẩy thai truyền nhiễm do brucella**
4. Ung khí thán (clostridium)
5. Tất cả điều sai

Câu 53: aphthous epizootica, panzootic aphtha, vesicular aphtha, aphthous fever là tên bệnh

1. **Lở mòm long móng**
2. Ung khí thán
3. Nhiệt thán
4. Dại
5. Tất cả điều sai

Câu 54: virus lở mòm long móng có tính hướng

1. Thần kinh trung ương
2. Hệ hô hấp
3. **Thượng bì**
4. Hệ thống tiêu hóa
5. Tất cả điều sai

Câu 55: trong bệnh lở mòm long móng hiện tượng nổi mụn nước ta chỉ có thể thấy ở

1. Miệng gia súc
2. Chân gia súc
3. Miệng và chân gia súc
4. Miệng, chân và vú của gia súc
5. **Ở miệng, chân, và có thể ở một số bộ phận khác của cơ thể gia súc**

Câu 56: trong bệnh lở mòm long móng ở heo ta có thể dùng

1. Vaccine để điều trị
2. Kháng sinh để tiêu diệt căn bệnh
3. Kết hợp dùng vaccine và kháng sinh để điều trị bệnh
4. Kết hợp dùng vaccine và kháng huyết thanh để điều trị bệnh
5. **Khánh sinh để ngăn ngừa nhiễm trùng kế phát**

Câu 57: nguyên nhân gây tụ huyết trùng trâu bò

1. **Pasteurella multocida**
2. Salmonella gallinarum (thương hàn)
3. Mycoplasma gallisepticum (viêm phổi địa phương)
4. Leptospira (xoắn khuẩn)
5. Tất cả điều sai

Câu 58: phổi xuất huyết nặng 1/3 phổi trên phổi dính sườn là bệnh tích của bệnh

1. Thương hàn heo
2. Lở mòm long móng
3. **Tụ huyết trùng trâu bò**
4. Xoắn khuẩn leptospira
5. Tất cả điều sai

Câu 59: hiện tượng nhiễm trùng huyết, xuất huyết và viêm phổi, chảy nước dãi thành sợi, phổi gan hóa màu đỏ sậm khoảng 1/3 thùy trước là bệnh

1. Lở mòm long móng
2. Ung khí thán
3. Tai xanh (hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản PRRS)
4. **Tất cả điều sai** (tụ huyết trùng trâu bò)
5. Tất cả điều đúng

Câu 60: gây nên những bệnh bại huyết, gây sốt định kỳ và xuất huyết định kỳ trong cơ thể là biểu hiện của bệnh

1. Xoắn khuẩn leptospira
2. Sẩy thai truyền nhiễm brucella
3. Tụ huyết trùng trâu bò Pasteurella
4. **Tất cả điều đúng**
5. Tất cả điều sai

Câu 61: Gangraena emphysematosa, blackleg, symtomatic an thrax là tên của bệnh

1. Lao
2. **Ung khí thán**
3. Nhiệt thán
4. Dại
5. Tất cả điều sai

Câu 62: ung khí thán gây ra bởi clostridium chauvoei có đặc tính

1. Trực khuẩn gram âm, gram dương
2. Sinh nha bào
3. Yếm khí
4. Câu a và b đúng
5. **Câu b và c đúng**

Câu 63:hiện tượng bắp thịt thâm tím, có bọt khí, ấn vào kêu lạo xạo thường gặp ở bệnh

1. Nhiệt thán
2. **Ung khí thán**
3. Thương hàn
4. Tụ huyết trùng
5. Tất cả điều sai

Câu 64: hiện tượng xung huyết ở các cơ bắp có khí, đặc biệt vùng hậu môn, xác chết trương phòng do có khí thũng là bệnh

1. Tụ huyết trùng
2. Phó thương hàn
3. **Ung khí thán**
4. Lở mòm long móng
5. Tất cả điều sai

Câu 65: đặc trưng của ung khí thán

1. Sưng, nóng, đau, có màu sậm
2. Sưng, nóng, không đau
3. **Sưng, nóng, đau, có màu sậm, lõm ở giữa, chảy nước vàng hay đen**
4. Sưng, không nóng, không đau
5. Tất cả điều sai

Câu 66: pestis suum, hog cholera, classical swine fever, swine pest, porcine là tên bệnh

1. Tụ huyết trùng heo
2. Thương hàn heo
3. **Dịch tả heo**
4. Bệnh giả dại
5. Tất cả điều sai

Câu 67: bệnh dịch tả heo xảy ra ở

1. Chỉ có heo giống ngoại mới mắc bệnh
2. Chỉ có heo cái sinh sản mới mắc bệnh
3. Chỉ có heo con theo mẹ mới mắc bệnh
4. Chỉ có heo từ 2-4 tháng tuổi mới mắc bệnh
5. **Heo mọi giống, mọi lứa tuổi điều mắc bệnh**

Câu 68:virus sinh sản trong nội mô thành huyết quản

1. Thương hàn heo
2. Lở mòm long móng
3. **Dịch tả heo**
4. Tai xanh
5. Tụ huyết trùng

Câu 69: viêm kết mạc mắc, mắt nhiều ghèn, 2 mí mắt dính lại nhau thường thấy trong bệnh

1. Thương hàn heo
2. **Dịch tả heo**

Câu 76: triệu chứng thường gặp trong bệnh giả dại ở heo con là

1. **Quay cuồng, run cơ, chảy nước dải**
2. Tiêu chảy nặng
3. Trễ hàm, thè lưỡi
4. Ngứa dữ dội
5. Ho, thở khó

Câu 77: bệnh giả dại khác với bệnh dại ở biểu hiện

1. Chảy nước dãi
2. Không tấn công người và gia súc
3. Dãn đồng tử
4. Câu a và c đúng
5. **Câu b và c đúng**

Câu 78: triệu chứng ngứa dữ dội , co giật, suy nhược, thai sẩy với nhiều kích thước khác nhau, hoại tử hạch hạnh nhân là bệnh

1. Tụ huyết trùng heo
2. Phó thương hàn heo
3. Tai xanh
4. **Bệnh giả dại heo**
5. Tất cả điều sai

Câu 79: bronchitis et broncho pneumonia enzootica porcellorum, influenza

1. Tụ huyết trùng heo
2. **Cúm heo**
3. Dịch tả heo
4. Bệnh giả dại
5. Tất cả điều sai

Câu 80: Blue ear disease, Mystery swine disease là tên bệnh:

1. Tụ huyết trùng heo
2. **PRRS ( hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên heo)**
3. Cúm heo
4. Dịch tả heo
5. Tất cả đều sai

Câu 81: Bệnh gây rối loạn sinh sản

1. Tai xanh và E.coli
2. Tai xanh và viêm phổi địa phương
3. **Tai xanh và Leptospirosis**
4. Tai xanh và glasser
5. Tai xanh và lỡ mồm long móng

Câu 82: virus gây bệnh PRRS là

1. **Arterivirus**
2. Parvovirus
3. Poxviridae
4. Coronavirus
5. Tất cả đều sai

Câu 83: heo bị sẩy thai ở cuối thai kỳ thường liên quan đến bệnh

1. Dịch tả heo
2. **Tai xanh**
3. Leptospirosis
4. Lỡ mồm long móng
5. Đóng dấu

Câu 84: virus phát triển trong đại thưc bào và phế nang

1. Thương hàn heo
2. Dịch tả heo
3. **Tai xanh (PRRS)**
4. Tụ huyết trùng
5. Tất cả đều sai

Câu 85: bệnh tích sẩy thai ở giai đoạn cuối thai kỳ (1/3), thai sẩy có cuốn rốn xuất huyết, hạch lâm ba, phổi xưng là bệnh

1. Tụ huyết trùng
2. Dịch tả heo
3. **Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên heo (PRRS)**
4. Phó thương hàn
5. Lỡ mồm long móng

Câu 86: virus gây bệnh cho bào thai (từ hình thành hợp tử - 72 ngày), lên giống dài…chu kỳ, heo nái hậu bị, kích thướt thai khác nhau và thai khô là bệnh

1. **Rối loạn sinh sản do porcine parvovirus**
2. Tụ huyết trùng heo
3. Tai xanh
4. Dịch tả heo
5. Sẩy thai truyền nhiễm do vi khuẩn Brucella

Câu 87:

Câu 88: Swine typhoid, Swine paratyphoid là tên bệnh

1. Phó thường hàn heo
2. Tụ huyết trùng heo
3. Dịch tả heo
4. Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp trên heo con
5. **Tất cả đều sai**

Câu 89: lách sưng to, đặc biệt là 1/3 phần ở giữa sưng to hơn, dai như cao su và có màu xanh thẫm là bệnh tích đặc trưng của bệnh

1. Nhiệt thán
2. Dịch tả heo
3. Bệnh phó thương hàn heo
4. Bệnh thương hàn heo
5. **Cả c và d đúng**

Câu 90: lách có những nốt hoại tử là bệnh tích thường gặp trong bệnh

1. Dịch tả heo cấp tính
2. Tụ huyết trùng heo cấp tính
3. Tụ huyết trùng heo mãn tính
4. Thương hàn heo cấp tính
5. **Thương hàn heo mãn tính**

Câu 91: hiện tượng hoại tử ở các cơ quan phủ tạng, ta thường thấy nhiều nhất ở bệnh

1. Tụ huyết trùng heo
2. Dịch tả heo
3. Tiêu chảy do E.coli
4. Lao
5. **Thương hàn heo**

Câu 92: các bệnh sau đây có triệu chứng bệnh tích chủ yếu ở đường tiêu hóa

1. Bệnh lỡ mồm long móng
2. Bệnh dịch tả heo
3. Bệnh thương hàn heo
4. **Tất cả đều đúng**
5. Cả b và c đúng

Câu 93: để điều trị thương hàn heo ta có thể dùng

1. Penicillin
2. **Colistin**
3. Ampicillin
4. Streptomycin (ko có tác dụng với bệnh này)
5. Tất cả đều đúng

Câu 94: nhiễm trùng huyết, bại huyết, hầu sưng, thùy thủng, gan xơ hóa thẩm tương dịch là bệnh tích của bệnh:

1. Thương hàn heo
2. Dịch tả heo
3. Tai xanh
4. **Tụ huyết trùng heo**
5. Tất cả đều sai

Câu 95: hiện tượng viêm bao tim và bao tim tích nước vàng, ta có thể thấy trong bệnh

1. Dịch tả heo
2. Phó thương hàn heo
3. Tụ huyết trùng heo
4. Tụ huyết trùng gia cầm
5. **Cả c và d đúng**

Câu 96: Erysipelas suum, Swine erysipelas,Diamond skin disease, Rouget du pore là tên bệnh

1. Phó thương hàn heo
2. Tụ huyết trùng heo
3. Dịch tả heo
4. Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp trên heo
5. **Đóng dấu heo**

Câu 97: hiện tượng tụ máu thành hình tròn, vuông, quá trám… trên da thường gặp ở bệnh

1. Thương hàn heo
2. Dịch tả heo
3. **Đóng dấu heo**
4. Câu a và b đúng
5. Câu a và c đúng

Câu 98: viêm nội tâm mạc, van tim sần sùi thường gặp ở bệnh

1. Tụ huyết trùng cấp tính
2. Viêm phổi địa phương
3. Tụ huyết trùng mãn tính
4. Đóng dấu cấp tính
5. **Đóng dấu mãn tính**

Câu 99: Swine enzootic pneumonia là

1. Tụ huyết trùng
2. Viêm phổi địa phương
3. Suyễn heo (viêm phổi địa phương)
4. Cả a và b đúng
5. **Cả b và c đúng**

Câu 100: Mycoplasma hyopneumoniae là nguyên nhân gây bệnh

1. CRD
2. **Viêm phổi địa phương**
3. Glasser
4. Lao tất cả đều sai

101.Những tính chất thường thấy ở viêm phổi địa phương.

A . Ăn ít,ho khan

B . Tần số hô hấp tăng 60-200 lần /phút

**C . Câu a và b đúng**

102. Bệnh viêm phổi địa phương có bệnh tích đạt trưng là

A . Phổi viêm đỏ , xuất huyết khắp bề mặt phổi

B . phổi màng phổi viêm có fibrin dính vào lồng ngực

C . **Hai bên phổi có bệnh tích đối xứng , chỗ viêm có màu hồng xám , có giới hạn giữa vùng viêm và không viêm**

D . Lồng ngực xuất huyết

E . Bệnh tích khác

103.Kháng sinh trị Mycoplasma tốt nhất là

A . Ampicillin

B . Streptomycin

C . Teramycin

D . Penicillin

E . **Enrofloxacin**

104.Bệnh thường xảy ra ở heo sau cai sữa ,gây chết nhanh ,heo mắc bệnh

A . Tiêu chảy ở heo con do Escherichia coli

B . Dịch tả heo

C . **Phù do Escherichia coli**

D . Tụ huyết trùng

E . Viêm dạ dầy ruột truyền nhiễm

105.Poluserositis and arthiritis là bệnh gì

A . Dịch tả heo

B . Đậu heo

C . Thương hần heo

D . **Glasser ( bệnh viêm da màng thanh dịch va viêm khớp )**

E . Tất cả đều sai

106. Hiện tương viêm thanh mạc co fibrin trên nhiều co quan nội tạng thường gặp nhiều nhất ở bệnh

A . **Glasser**

B . Tụ huyết trùng

C . Aujeszky (bệnh giả dại trên heo )

D . Suyễn heo

E . Thương hàn

107 . virus gây bệnh Newcastle là

A . Binsvirus

B . Coronavirus

C . Herpesvirus

D . Posvirud

E . **Paramyxovirus**

108. Bệnh Newcastle xảy ra ở

A . Gà con

B . Gà nuôi ở hình thức công nghiệp

C . Gà trưởng thành

D . Gà nuôi ở gia đình

E . **Tất cả các lứa tuổi và tất cả các loại hình**

109. Hiện tượng bại liệt trong Newcsdtle là do

1. Viêm dây thần kinh vận động
2. **Tổn thương tiểu não**
3. Viên khớp
4. Viên cơ
5. Tất cả đều sai

110 . Hiện tượng xuất huyết điểm ở da dày tuyến có thể gặp trong b

1. Bệnh thương hàn
2. Bệnh Gumboro
3. Bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm
4. **Bệnh Newcastle**
5. Cả A và B đều đúng

111 . Hiện tượng xuất huyết ở cuối thực quản và dạ dày tuyến là bệnh

Cúm

1. Tụ huyết trùng
2. Thương hàn
3. **Newcastle**
4. Bệnh khác

112 . Hậu môn xuất huyết ,mào yếm tím bầm ,mũi chảy nhớt thức ăn trong diều tiêu nhão lên là bệnh tích của bệnh

1. Gumboro
2. **Newcastle**
3. Cúm gia cầm
4. Dịch tả vịt
5. Tất cả đều đúng

113. Hiện tượng manh trành sưng to, xuất huyết thường gặp trong

1. Tụ huyết trùng gia cầm
2. Thương hàn
3. **Newcastle**
4. Câu a và b đúng
5. Câu a và b sai

114. Để phong bệnh Newcastle cho gà con , ta phải dùng vaccine

1. **Vaccine Newcastle chủng F , B1 ,Lasota nhỏ hơn 2 tháng tuổi**
2. Vaccine Newcastle chủng M , H lớn hơn 2 tháng tuổi
3. Vaccine Newcastle chủng B1 , Lasota
4. Tất cả đều đúng
5. Tất cả đều sai

115 . Để hạn chế tổn thất Newcastle ta dùng

1. Tiêm Vaccine chết Newcastle
2. Cho uống vacvine và chất điện giải
3. **Tiêm Vaccine nhược độc Newcastle**
4. Tiêm sulfadiazine
5. Tiêm Terramycin (oxytetracycline)

106 .Avian influeza, Fowl plague là tên bệnh

1. Newcastle
2. **Cúm gia cầm**
3. Gumboro
4. CRD ( bệnh hô hấp mạn tính của gia cầm)
5. Tất cả đều sai

117. Hậu môn xuất huyết ,mào yếm tím bầm-hoại tử - ứ nước -quân lại khí quản phù thủng là bệnh tích của bệnh gí

1. Gumboro
2. Newcastle
3. **Cúm gia cầm**
4. Dịch tả vịt
5. Tất cả đều sai

118 . Triệu trứng quan trọng của bệnh Cúm gia cầm khác với Newcastle là

1. Sốt cao
2. Tiêu chảy phân tráng xanh hoạc tráng sám
3. Thức ăn ở diều k tiêu
4. Mí mắt hơi sưng , chảy nước mắt
5. **Xuất huyết da chân**

119 . Dạ dày tuyến xuất huyết nặng là bệnh tích của

1. Newcastle
2. Gumboro
3. **Cúm gia cầm**
4. Dịch tả vịt
5. Tụ huyết trùng

120 . Xuất huyết mở vùng bụng, mở màng treo ruột, mở bao tim rất rõ ,xuất huyết cơ

1. Tụ huyết trùng
2. Newcastle
3. **Cúm gia cầm**
4. Dịch tả vịt
5. Gumboro

121 . Infectious bursal disease là tên bệnh

1. Newcastle
2. Cúm gia cầm
3. **Gumboro**
4. CRD ( bệnh hô hấp mạn tính của gia cầm)
5. Tất cả sai

122. Bệnh Gumboro ở thể ẩn

1. Túi Fabricius sưng
2. Xuất huyết cơ ngực , đùi
3. **Túi Fabricius teo**
4. Túi Fabricius xuất huyết
5. Tất cả đều sai

123. bệnh tích hậu môn đưa ra ngoài thường thấy ở

1. Tụ huyết trùng gia cầm
2. Newcastle
3. **Gumboro**
4. Dịch tả vịt
5. Cúm gia cầm

124. Hiện tượng xuất huyết giữa da dày tuyến và da dày cơ thường gặp trong bệnh

1. **Gumboro**
2. Newcastle
3. Cúm gia cầm
4. CRD
5. Tụ huyết trùng gia cầm

125 . Để hạn chế tổn thất Gumboro ta dùng

1. Tiêm vaccin Gomboro cho toàn đàn
2. Tiêm sulfadiazine
3. **Cho uống vacvine và chất điện giải**
4. Tiêm Tetramycin (oxytetracycline) cho toàn đàn
5. Tất cả đều sai

126 . Sản phẩm K.T.G mà anh chị đã quan sát, được dùng để phòng bệnh

1. **Gumboro**
2. Newcastle
3. Cúm gia cầm
4. Viêm phế quản truyền nhiễm
5. Tất cả đều đúng

127. Đàn gà 2 tháng tuổi mắc bệnh Gumboro và Newcastle cùng 1 lúc

1. Tiêm vaccin Gomboro cho đàn gà
2. Tiêm vaccin Newcastle cho đàn gà
3. Cho uống vacvine và chất điện giải
4. Câu a và b đúng
5. **Câu a và c đúng**

128 .Bronchitis infectiosa gallinarum, Infectious bonchitis,

1. **Viêm phế quản truyền nhiễm**
2. Hô hấp mạn tính của gia cầm
3. Tụ huyết trùng gia cầm
4. Viêm thanh khí quản truyền nhiễm
5. Tất cả đều sai

129.Trieu trứng đặt trưng của viêm phế quản ở gà lớn là

1. Thở khó trầm trọng
2. Rối loạn hô hấp nhẹ
3. Đẻ trứng giảm hoăc ngưng hẳn
4. Câu a và b đúng
5. **Câu b và c đúng**

130 . Hiện tượng Đẻ trứng giảm ,lòng trắng trứng loãng thường gặp ở bệnh

1. CRD
2. Viêm thanh khí quản truyền nhiễm
3. **Viêm phế quản truyền nhiễm**
4. Marek
5. Tất cả đều sai

131 . Hiện tượng………là bệnh tích thường gặp trong viêm phế quản truyền nhiễm

1. Buồng trứng thoái hoá
2. Ống dẫn trứng ngắn
3. Lồng đỏ k đểu
4. **Câu a và b đúng**
5. Câu a và c đúng

132 . bệnh tích có thể lầm giữa bệnh Gumboro vá viêm phế quản truyền nhiễm

1. **Thận sưng**
2. Cơ ngực xuất huyết
3. Túi Fabricius xuất huyết
4. Tất cả đều đúng
5. Câu a và b đúng

133.Bệnh Marek cấp tính thường gặp ở gà

1. 4-8 ngày tuổi
2. 4-8 tháng tuổi
3. **4-8 tuần tuổi**
4. Mọi lứa tuổi
5. Tất cả đều sai

134.hiện tượng bại liệt do sưng dây thần kinh ngoại biên là triệu chứng của bệnh

1. **Marek**
2. Lympho-lơcô
3. Newcastle
4. Câu a và b đúng
5. Câu b và c đúng

135. Hiện tượng rối loạn vận động ,bại liệt chân cánh thường gặp ở bệnh

1. CRD
2. Newcastle cấp tính
3. Newcastle mạn tính
4. Tất cả đều đúng
5. **Tất cả đều sai(bệnh Marek)**

136. trong bệnh Marek khối u ở tế bào lâm ba thường gặp

1. Gan
2. Thận
3. Túi Fabricius
4. **Câu a và b đúng**
5. Câu a và c đúng

137. tiêm phòng Marek thực hiện ở gà

1. **1 ngày tuổi**
2. 20 ngày tuổi
3. 10 ngày tuổi
4. 100 ngày tuổi
5. Tất cả đều sai

138 . khối u ở tế bào lâm ba Túi Fabricius là bệnh tích đặt trưng của bệnh

1. **Lympho-lơcô**
2. Newcastle cấp tính
3. Newcastle mạn tính
4. Tất cả đều đúng
5. Tất cả đều sai

139. bệnh tích lầm giữa bệnhMarek va lympho-lơcô

1. **U ở gan, lách, thận**
2. Viêm móng mắt
3. Viêm dây thần kinh
4. U ở túi Fabricius
5. U ở da và cơ

140 . Laryngotracheitis infectiosa gallinarum là tên bệnh

1. Viêm phế quản truyền nhiễm
2. Hô hấp mạn tính của gia cầm
3. Tụ huyết trùng gia cầm
4. **Viêm thanh khí quản truyền nhiễm**
5. Tất cả đều sai

Câu 141: virus gây bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm là

1. Coronavirus
2. **Gallid herpesvirus 1**
3. Paramyxovirus
4. Tất cả đều sai
5. Tất cả đều đúng

Câu 142: Pestis anatum là tên bệnh

1. Newcastle
2. Cúm gia cầm
3. Gumboro
4. **Dịch tả vịt**
5. Tất cả đều sai

Câu 143: virus gây bệnh dịch tả vịt là

1. Binavirus
2. Coronavirus
3. **Herpesvirus**
4. Poxvirus
5. Paramyxovirus

Câu 144: bệnh tích phù đầu,mí mắt sưng, hầu cổ sưng và phù thủng thường thấy ở bệnh

1. Cúm gia cầm
2. **Dịch tả vịt**
3. Newcastle
4. Gumboro
5. Tụ huyết trùng

Câu 145: bệnh dịch tả vịt thường được gọi tên là

1. Bệnh toi vịt
2. Bệnh thương hàn vịt
3. **Bệnh phù đầu**
4. Tất cả đều đúng
5. Tất cả đều sai

Câu 146: xuất huyết, viêm loét đường tiêu hóa ở gia cầm như hầu, thực quản… thường gặp ở bệnh

1. Gumboro
2. Cúm gia cầm
3. Newcastle
4. **Dịch tả vịt**
5. Tất cả đều đúng

Câu 147: hiện tượng viêm mắt có ghèn thường gặp trong bệnh

1. Dịch tả vịt
2. Viêm thanh khí quản truyền nhiễm
3. Marek
4. Cả a và b đúng
5. **Cả a và c đúng**

Câu 148: ruột xuất huyết và viêm loét thành một đường, hầu, khí quản xuất huyết, viêm phù…giả là bệnh tích của bệnh

1. Gumboro
2. Newcastle
3. Cúm gia cầm
4. **Dịch tả vịt**
5. Tất cả đều đúng

Câu 149: hậu môn bết phân, niêm mạc hậu môn xuất huyết thường thấy ở bệnh

1. Cúm gia cầm
2. Tụ huyết trùng gia cầm
3. Dịch tả vịt
4. Newcastle
5. **Cả a, c, d đúng**

Câu 150: khi có dịch tả vịt xảy ra, để hạn chế ta phải

1. Tiêm vaccine chết cho toàn đàn
2. Cho vịt uống vitamin và chất điện giải
3. **Tiêm vaccine nhược độc cho toàn đàn**
4. Dùng kháng sinh để điều trị
5. Tất cả đều sai

Câu 151. Nguyên nhân gây tụ huyết trùng gia cầm là

**a. Pasteurella aviseptica**

b. Salmonella gallinarum

c. Mycoplasma gallisepticum

d. Cå a và b dúng

e. Cả a và c đúng.

Câu 152. Trong bệnh tụ huyết trùng gia cầm, bệnh tích thường thấy là

a. Gan hơi sưng, có những nốt hoại tử hình đinh ghim trên bề mặt

b. Viêm ngoại tâm mạc, bao tim tích nước vàng

c. Ruột viêm xuất huyết

d. Cả a và b dúng

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 153. Bệnh tích tích sưng, tiêu cháy phân vàng có bọt lẫn máu, khó thứ, màu và yếm tím bầm là bệnh

a. Gumboro

b. Newcastle

c. Cúm gia cầm

**d. Tụ huyết trùng gia cầm**

e. Tất cả đều sai.

Câu 154. Hiện tượng tích sưng và hoại tử thường gặp trong bệnh

a. Newcastle ở thể cấp tính

b. Tụ huyết trùng ở thể cấp tính

c. Newcastle ở thể mạn tính

d. Tụ huyết trùng gia cầm ở thể mạn tính

**e. Tất cả đều sai.**

Câu 155. Bệnh tụ huyết trùng gia cầm thường

a. Chết nhanh

b. Không điều trị bằng kháng sinh

c. Điều trị bằng kháng sinh

d. Cả a và b đúng

**e. Cả a và c đúng.**

Câu 156. Mycoplasma gallisepticum là nguyên nhân gây bệnh

a. Viêm phổi địa phương heo.

b. Thương hàn gà.

c. Tụ huyết trùng.

d. Newcastle.

**e. Tất cả đều sai. (CRD)**

Câu 157. Hiện tượng viêm xoang dưới hốc mắt gia cầm thường gặp

a. Newcastle

b. Dịch tả vịt

c. Thương hàn

d. Gumboro

**e. CRD (Bệnh hô hấp mạn tính của gia cầm).**

Câu 158. Viêm .......... là bệnh tích đặc trưng thường gặp trong bệnh CRD

a Ruột

b. Lách

c. Thận

**d. Túi khí**

e. Tất cả đều sai.

Câu 159. Mầm bệnh có thể truyền qua trứng thường gặp ở bệnh

a. Marek

b. CRD.

c.Viêm phế quản truyền nhiễm

d. Câu a và b đúng

**e. Câu b và c đúng.**

Câu l60. Đặc trị CRD (hô hấp mạn tính của gia cầm) ta có thể dùng

a. Nystatin

b. Penicillin

**c. Tylosin**

d. Câu a hoặc b đúng

e. Câu a hoặc c đúng.

Câu 161. Pullorum disease là tên bệnh

a. Tụ huyết trùng gia cầm

**b. Thương hàn gia cầm**

c. Newcastle

d. Gumboro

e. Tất cả đều đúng.

Câu 162. Salmonella pullorum là bệnh xảy ra trên gà

a. Gà công nghiệp

b. Gà lớn

**c. Gà con**

d. Tất cả đều đúng

e. Tất cả đều sai.

Câu 163. Salmonela gallinarum là bệnh xảy ra trên gà

a. Gà công nghiệp

b. Gà lớn

c. Gà con

**d. Tất cả đều đúng**

e. Tất cả đều sai.

Câu 164. Nguyên nhân gây thương hàn gia cầm

a. Pasteurella

b. Salmonella gallinarum

c. Salmonella pullorum

d. Câu a hoặc b đúng

**e. Câu b hoặc c đúng.**

Câu 165. Hiện tượng lòng đỏ không tiêu, có mùi hôi thối có thể gập ở bệnh

**a. Thương hàn gà con**

b. Thương hàn gà lớn

c. Newcastle

d. Tụ huyết trùng

e. Tất cả đều sai.

Câu 166. Gà mắc bệnh thương hàn có bệnh tích

a. Buồng trứng dị hình

b. Lách sưng to

c. Gan hoại tử

d. Cả a và b đúng

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 167. Gà con mắc bệnh thương hàn có bệnh tích

a. Buồng trứng dị hình

b. Lách sưng to

c. Gan hoại tử

d. Câu a và b đúng

**e. Câu b và c đúng.**

Câu 168. Bệnh tích có thể lầm giữa bệnh thương hàn và tụ huyết trùng là

a. Viêm khớp

**b. Ruột xuất huyết**

c. Gan hoại tử

d. Lách sưng

e. Tất cả đều sai.

Câu 169. Những vi khuẩn thuộc nhóm Gˉ

a. Pasteurella

b. Salmonella

c. Mycoplasma

**d. Cả a và b đúng**

e. Tất cả đều đúng.

Câu 170. Pneumoposis, Aspergillosis avium là tên bệnh

a. Viêm phế quản truyền nhiễm

b. Hô hấp mạn tính ở gia cầm

**c. Nấm phổi gia cầm**

d. Viêm thanh khí quản truyền nhiễm

e. Tất cả sai.

Câu 121. Bệnh nấm phổi thường gặp

**a. 1-3 tuần tuổi**

b. 1-3 tháng tuổi

c. 1-3 năm tuổi

d. Mọi lửa tuổi

e. Tất cả đều sai.

Câu 172. Đề phòng nấm phổi

a. Trộn kháng sinh vào thức ăn hoặc nước uống hằng ngày

b. Thường xuyên thay rơm, chất độn chuồng

c. Giữ chuồng khô. sạch, thoáng mát

d. Câu a và b đúng

**e. Câu b và c đúng.**

Câu 173. Để trị nấm phổi gia cầm, ta dùng

**a. Fungamycin**

b. Penicilline

c. Terramycin

d. Câu a hoặc b đúng

e. Câu a hoặc c đúng.

Câu 174. Vaccine có nguồn gốc từ

a. Vi khuẩn, virus

b. Nha bào

c. Vaccine giải độc tố

d. Vaccine giải độc tố uốn ván

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 175. Ưu điểm và khuyết điểm của vaccine sống là

a. Nhanh, bền, mạnh

b. Ít tốn kém, kéo dài

c. Có khả năng gây nhiễm trùng

**d. Tất cả đều đúng**

e. Tất cả đều sai.

Câu 176. Ưu điểm và khuyết điểm của vaccine chết là

a. An toàn

b. Cho miễn dịch không bền

c. Chậm, tốn kém

**d. Tất cả đều đúng**

e. Tất cả đều sai.

Câu 177. Bảo quản vaccine vi khuẩn sống và chết, vaccine virus chết ở nhiệt độ

a. 4 - 8˚C (vaccine chết)

b. 0°C trở xuống (vaccine sống)

c. 2 - 10°C (vaccine nhược độc đã đông khô)

**d. Tất cả đều đúng**

e. Tất cả đều sai.

Câu 178. Vaccine virus nhược độc pha xong nên sử dụng trong

a. 1 giờ

b. 2 giờ

c. 3 giờ

d. 6 giờ

**e. 12 giờ.**

Câu 179. Những đường tiêm vaccine

a. Dưới da (chó, méo, gà....)

b. Bắp (heo, gà...)

c. Trong da (thử lao...)

d. Phúc mạc/xoang bụng

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 180. Không chích vaccine cho các trường hợp

a. Gia súc sắp đẻ hay vừa đẻ

b. Gia súc sơ sinh (dưới 2,3 tuần), gia súc đang sốt

c. Gia súc đang có triệu chứng bệnh trong khi dịch đang xảy ra

d. Gia súc đang bị rối loạn dinh dưỡng, bệnh nội, ngoại khoa, bệnh ký sinh trùng

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 181. Khi tiêm vaccine, tránh tiêm qua đường tĩnh mạch vì có thể

**a. Gây tắc mạch**

b. Vaccine không tạo được miễn dịch

c. Khó tiêm

d. Mất nhiều thời gian

e. Gây phù

Câu 182. Các loại antiserum (huyết thanh) thông dụng là

a. Huyết thanh chống độc tố (serum antitoxin)

b. Huyết thanh chống vi khuẩn (serum antibacterium) và huyết thanh chống virus (serum antivirus)

c. Huyết thanh hỗn hợp chống vi khuẩn và độc tố

d. Huyết thanh chống nọc rắn

**e. Tất cả đều đúng.**

Câu 183. Khi lấy máu để kiểm tra các chỉ tiêu sinh hóa, ta cần

a. Cho gia súc nhịn đói qua đêm

b. Cho vào máu một lượng chất kháng đông

c. Không sử dụng chất kháng đông

d. Câu a và b đúng

**e. Câu a và c đúng.**

Câu 184. Virus cúm gia cầm mà anh chị đã quan sát là loại vaccine

a. Virus sống nhược độc

b. Vi khuẩn chết nhược độc

c. Vaccine chết

**d. Tất cả đều sai**

e. Tất cả đều đúng.

Câu 185. Vaccine tụ huyết trùng trâu bò mà anh chị đã được quan sát lúc thực hành là

a. Vaccine virus sống dạng nhũ dầu

b. Vaccine virus chết dạng nhũ dầu

c. Vaccine vi khuẩn sống dạng nhũ dầu

**d. Vaccine vi khuẩn chết dạng nhũ dầu**

e. Tất cả đều sai.

Câu 186. Vaccine dịch tả gà mà anh chị được quan sát lúc thực hành là loại vaccine

**a. Sống dạng đông khô**

b. Sống dạng dung dịch

c. Sống dạng nhũ dầu

d. Chết dạng dung dịch

e. Chết dạng nhũ dầu.

Câu 187. Nồng độ huyễn dịch dùng tiêm truyền thường có nồng độ

a. 20%

**b. 0,1ml-0,2ml**

C. 30%

d. Câu a và b đúng

e. Câu b và c đúng.

Câu 188. K.T.E mà anh chị đã quan sát là sản phẩm dùng để phòng và trị bệnh

a. Tiêu chảy do E.coli

b. Nhiễm trùng huyết do E.coli

c. Phù thủng do E.coli

d. Câu a và b đúng

**e. Câu a và c đúng.**

Câu 189. Nuôi cây mẫu bệnh phẩm trên trứng (trong màng nhung niệu)

a. Newcastle

b. Gumboro

c. Đậu gia cầm

d. Câu a và b đúng

**e. Câu b và c đúng.**

Câu 190, Nuôi cấy mẫu bệnh phẩm trên trứng (trong xoang niệu mô).

**a. Newcastle**

b. Gumboro

c. Đậu gia cầm

d. Câu a và b đúng

e. Câu b và c đúng.